

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 16/07/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RCS+RC6+MRM	7:25	6+0+13	0+0+0		3+4+15	0+0+0	
2		BK14+Thor	7:25	3+18	0+0		0+21	0+0	
3		RP2	9:25	22	0		22	0	
4		TD1+Thor+MRM	9:25	1+6+12	0+0+0		1+1+20	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2025		TO: RC5 - RC6 - MRM			AIRCRAFT: 420			ETD: 07:30		
FLIGHT: 1		FROM: VT			CREW: LTUẤN - HÙNG - HIẾU			ETA: 09:20		
Vnhs Flying Number: TM25/2651					XANH-1					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	RC5	94	1	15	3	62	78	KH-THAC	Vietnamese
2	LÊ VĂN TIỆP	RC5	97-98	2	17			77	KH-THAC	Vietnamese
3	ĐO VĂN TRƯỜNG	RC5	99,900	2	19			62	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG TUẤN ANH	RC5	95-96	2	13			88	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI THỌ BÀN	RC5	93	1	15			74	BA SON	Vietnamese
6	TRẦN NGỌC PHONG	RC5	92	1	16			53	BA SON	Vietnamese
7	TRẦN VĂN NGUYỄN	RC5	91	1	4			71	PSV	Vietnamese
8	DROZDOV ANDREI	MRM	95-96	2	9			88	AMNGR	Russian
9	IAMASHEV ALBERT	MRM	82	1	5			75	AMNGR	Russian
10	DIACHUK DMITRII	MRM	93-94	2	16			66	AMNGR	Russian
11	KUCHMII EGOR	MRM	85-86	2	14			112	AMNGR	Russian
12	ZANIN PAVEL	MRM	83-84	2	7			76	AMNGR	Russian
13	TRẦN KIRILL	MRM	87	1	5			86	AMNGR	Russian
14	BORODIN ARTUR	MRM	78-79	2	17			90	AMNGR	Russian
15	MOSHKIN SERGEI	MRM	80-81	2	20			80	AMNGR	Russian
16	ĐO NGUYỄN GIAP	MRM	92	1	10			79	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	MRM	97	1	5			90	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN QUANG THANH	MRM	98	1	16			59	KHOAN	Vietnamese
19	TELESHENKO IVAN	MRM	99	1	19			103	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC5	7	503	10	99	3	62	3		
2	RC6	0	0	0	0	1	14	4		
3	MRM	12	1.004	18	143	0	0	15		
TOTAL		19	1.507	28	242	4	76	22		
WEIGHT KG			1.507		242		76			

GRAND TOAL: 1.825 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CREW



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2025	TO: BK14 - THOR	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG -	ETA: 09:25
CAM-1		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYEN TUNG DUONG	BK14	99	1	10	1	19	59	ANTOAN	Vietnamese
2	NGUYEN HOANG LONG	BK14	96	1	14	2	78	69	DVL	Vietnamese
3	ĐAO HAI NAM	BK14	94-95	2	11			68	NIPI	Vietnamese
4	GRAEME MORISON	THOR	26-27	2	16			93	BORR DRIL	British
5	AMBROSE JAKOB	THOR	19-20	2	7			57	BORR DRIL	Malaysian
6	DOAN VAN LUAN	THOR	21	1	7			65	PVD OFFSH	Vietnamese
7	LY MINH TUONG	THOR	05-07	3	17			56	VINACONT	Vietnamese
8	NGUYEN NGOC HOAI	THOR	08-10	3	16			54	VINACONT	Vietnamese
9	TRAN QUANG HUNG	THOR	30	1	10			76	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN LINH	THOR	03	1	12			66	DVL	Vietnamese
11	THAI KHAC CUONG	THOR	12-13	2	12			56	PVD OFFSH	Vietnamese
12	NGUYEN DUC MANG	THOR	01	1	8			73	PVD OFFSH	Vietnamese
13	NGUYEN THANH TAM	THOR	15	1	4			77	PVD OFFSH	Vietnamese
14	PHAM THE LONG	THOR	22	1	16			72	PVD OFFSH	Vietnamese
15	VU VAN NAM	THOR	29	1	7			75	PVD OFFSH	Vietnamese
16	HUYNH VAN NO	THOR	11	1	4			56	PVD OFFSH	Vietnamese
17	NGUYEN QUOC TINH	THOR	16-17	2	8			77	PSV	Vietnamese
18	NGUYEN MINH THAI	THOR	14	1	7			98	PSV	Vietnamese
19	NGUYEN TIEN DUNG	THOR	04	1	5			66	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN HUYNH HAI AU	THOR	23-25	3	17			61	PVDO	Vietnamese
21	PHAM VAN KHOAN	THOR	18	1	6			57	PVD OFFSH	Vietnamese
22	HA TUAN ANH	THOR	02	1	3			55	PVD OFFSH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK14	3	196	4	35	3	97	0		
2	THOR	19	1.290	29	182	0	0	22		
TOTAL		22	1.486	33	217	3	97	22		
WEIGHT KG			1.486		217		97			

GRAND TOAL: 1.800 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 16/07/2025	TO: RP2	AIRCRAFT: 410	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: VTHANG - TTRUNG -	ETA: 11:45
CAM-2		MQUAN	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LUU DINH TRONG	RP2	76	1	14			80	DVL	Vietnamese
2	TRAN VAN HIỆP	RP2	77	1	14			72	DVL	Vietnamese
3	NGUYEN HUU VIỆT	RP2	79	1	15			62	DVL	Vietnamese
4	ĐO THANH TIEN	RP2	78	1	14			80	DVL	Vietnamese
5	LE PHUC HOANG	RP2	55	1	19			90	XAYLAP	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG THOA	RP2	72	1	14			68	XAYLAP	Vietnamese
7	NGUYEN TRONG DUONG	RP2	63	1	16			88	XAYLAP	Vietnamese
8	HA XUAN DAT	RP2	82-83	2	14			56	XAYLAP	Vietnamese
9	PHAM QUOC CUONG	RP2	66	1	15			68	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYEN VAN BAC	RP2	60,28	2	14			72	XAYLAP	Vietnamese
11	PHAM VAN SAC	RP2	67-68	2	17			70	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYEN TRAN TIN	RP2	52-53	2	12	1	17	78	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYEN HUU THIEN	RP2	56-57	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
14	VU NGOC HIEU	RP2	64	1	9	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYEN CONG DOAN	RP2	58-59	2	17			76	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYEN QUOC HUNG	RP2	69	1	14			75	XAYLAP	Vietnamese
17	NGUYEN VAN CUONG	RP2	80-81	2	18			77	XAYLAP	Vietnamese
18	LE HUY CHUONG	RP2	61-62	2	19			75	XAYLAP	Vietnamese
19	TRAN QUANG VIỆT	RP2	73-74	2	11			66	XAYLAP	Vietnamese
20	PHAN THIEN PHUC	RP2	70-71	2	17			80	XAYLAP	Vietnamese
21	LUONG VAN VIỆT	RP2	75	1	4			69	XAYLAP	Vietnamese
22	ĐAO ĐUC ĐONG	RP2	54	1	14			80	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	22	1.613	32	321	2	32	22		
TOTAL		22	1.613	32	321	2	32	22		
WEIGHT KG			1.613		321		32			

GRAND TOAL: 1.966 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

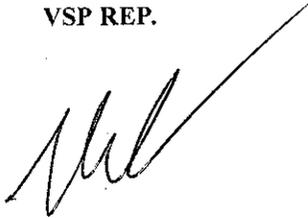
DATE: 16/07/2025		TO: TD1 - THOR - MRM			AIRCRAFT: 420			ETD: 09:50		
FLIGHT: 4		FROM: VT			CREW: LTUÂN - HÙNG - HIẾU			ETA: 11:40		
Vnhs Flying Number: TM25/2652					XANH-2					
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	HOANG XUÂN THI	TD1	65	1	3	4	70	75	KHOAN	Vietnamese
2	DARWIN GATCHALIAN D.	THOR	03-04	2	16			84	PVD OFFSH	Philippines
3	NGUYỄN HOÀI HẠN	THOR	05-06	2	14			63	PVDO	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH PHU	THOR	01-02	2	19			84	SCHLUMBE	Vietnamese
5	BUI TRỌNG TOÀN	THOR	07-08	2	28			82	KHOAN	Vietnamese
6	PIYAPONG SAENKAO	MRM	85-86	2	20	1	21	90	HALLIBUR	Thailand
7	TARANENKO ALEKSEI	MRM	79	1	15			118	AMNGR	Russian
8	ZHULIANOV DMITRII	MRM	84	1	14			94	AMNGR	Russian
9	ILMENTEV ANDREI	MRM	82	1	22			61	AMNGR	Russian
10	SUKHANOV EGOR	MRM	83	1	16			104	AMNGR	Russian
11	KAZACHKOV DENIS	MRM	78	1	8			109	AMNGR	Russian
12	SUVOROV IURII	MRM	89-90	2	20			116	AMNGR	Russian
13	NGUYỄN TUÂN DƯƠNG	MRM	93-95	3	18			82	DVL	Vietnamese
14	LÀ QUÝ DANH	MRM	88	1	9			60	DVL	Vietnamese
15	SOSNIN ALEKSANDR	MRM	80-81	2	14			120	AMNGR	Russian
16	DUDII MIKHAIL	MRM	91-92	2	12			79	AMNGR	Russian
17	KHLEBNIKOV D.	MRM	76-77	2	7			83	AMNGR	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	TD1	1	75	1	3	4	70	1		
2	THOR	4	313	8	77	0	0	0		
3	MRM	12	1.116	19	175	1	21	20		
TOTAL		17	1.504	28	255	5	91	21		
WEIGHT KG			1.504		255		91			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CREW

